

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN THẠNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2023/HS-ST
Ngày: 26-12-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THẠNH – TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Năm
2. Bà Nguyễn Ngọc Nhuận

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Phước Mãi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Hai – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 35/2023/TLST-HS ngày 09 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2023/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 12 năm 2023, đối với:

Bị cáo: Lương Văn L, sinh ngày 01/01/1987; Nơi sinh: Xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú hiện nay: Ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Cần Thơ; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con của ông Lương Văn L1, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1963; Vợ tên: Nguyễn Thị Bé N, sinh năm 1988; Con: Có 02 người, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Nhân thân: Ngày 18/9/2015, bị Công an huyện C, tỉnh Hậu Giang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Vận chuyển thủy sản ra khỏi cơ sở sản xuất, kinh doanh giống thủy sản mà không có giấy chứng nhận kiểm dịch”, số tiền 3.000.000 đồng (theo Quyết định XPVPHC số 001323/QĐ/XPHC). Bị cáo tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa).

Bị hại:

- Ông Phạm Hữu N1, sinh năm 1976; Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

- Bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1976; Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt).

2.3 Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Nguyễn Thành N2, sinh năm 1980; Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Cần Thơ (Có mặt).

- Công ty Cổ phần B1; Địa chỉ trụ sở: Tầng A Tòa nhà G, Số C, H, quận Đ, Thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành Q – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Võ Hoàng P – Nhân viên Giám định bồi thường – Công ty Cổ phần B1 thuộc Tổng Công ty B2 (Theo văn bản ủy quyền ngày 28/9/2023) (Có mặt).

- Công ty Cổ phần B3; Địa chỉ trụ sở: Tầng E, Tòa nhà MB, Số B, C, phường C, quận Đ, Thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Như T – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị Lệ H1 – Chuyên viên Trung tâm dịch vụ khách hàng khu vực phía Nam (Theo văn bản ủy quyền ngày 25/9/2023) (Có mặt).

- Ông Lê Văn Ú, sinh năm 1975; Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Cần Thơ (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

- Bà Lê Ngọc H2, sinh năm 1976; Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Cần Thơ (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lương Văn L có giấy phép lái xe hạng B2 theo quy định. Ngày 11/4/2023, L thuê xe ô tô tải nhãn hiệu ISUZU, số loại NKR55LR, biển số 51C- 854.58 của ông Nguyễn Thành N2 với giá 500.000 đồng để đi đến xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai chở hàng thuê cho ông Lê Văn Ú với giá 3.000.000 đồng. Đến khoảng 05 giờ ngày 12/4/2023, L điều khiển xe ô tô tải nêu trên chở mùng, mền, tủ lạnh và 10 bao cá trê giống của ông Ú, xuất phát từ xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai để về nhà ông Ú, thuộc Ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Cần Thơ, đi cùng trên xe

gồm có ông Ú ngồi ghế phụ bên cạnh L và bà Lê Ngọc H2 (vợ ông Ú) ngồi ghế phụ bên phải ông Ú. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, L điều khiển xe lưu thông trên Quốc lộ N theo hướng huyện T, tỉnh Long An đi huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Khi L điều khiển xe đến cầu B, thuộc Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Long An, do L ngủ gật điều khiển lấn sang phần đường bên trái theo hướng đi dẫn đến phần đầu xe bên trái do L điều khiển va chạm vào đầu xe ô tô con, nhãn hiệu TOYOTA, loại FORTUNER, biển số 66A- 091.47 do Phạm Hữu N1 điều khiển đang lưu thông theo hướng ngược lại. Hậu quả làm xe ô tô tải biển số 51C- 854.58 và xe ô tô con biển số 66A- 091.47 bị hư hỏng nặng.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông lúc 14 giờ 40 phút ngày 12/4/2023 do Cơ quan CSĐT Công an huyện T lập thể hiện:

- Đoạn đường xảy ra tai nạn trên cầu B, vị trí gần giữa cầu, hướng lên cầu từ thành phố Hồ Chí Minh đi tỉnh Đồng Tháp, có tầm nhìn hạn chế về hướng đi tỉnh Đồng Tháp. Mặt cầu được trải nhựa phẳng rộng 8,00 mét, giữa cầu có vạch sơn chỉ đường liên tục màu vàng phân chia mặt đường thành hai chiều xe chạy riêng biệt, mỗi bên rộng 4,00 mét. Hai bên là thành cầu phía dưới đổ bê tông, phía trên gắn lan can (thành cầu) bằng kim loại. Dọc hai bên mặt cầu sát chân thành cầu có vạch sơn kẻ đường màu trắng liên tục hết chiều dài của cầu. Chôn mép đường chuẩn là vị trí tiếp giáp giữa thành cầu và mặt đường nhựa bên phải hướng đi từ tỉnh Đồng Tháp đi Thành phố Hồ Chí Minh. Mốc cố định là trụ Km 93 + 200 (H2/93) ở bên phải chân cầu hướng đi từ Thành phố Hồ Chí Minh đi tỉnh Đồng Tháp, tiến hành đo đạc, ghi nhận các dấu vết, phương tiện như sau:

- Xe ô tô tải biển số 51C-854.58, ký hiệu số (1): xe đỗ trên mặt cầu, đầu xe hướng về phía đi tỉnh Đồng Tháp, đuôi xe hướng về phía đi Thành phố Hồ Chí Minh. T1 trục bánh xe sau bên trái cách mép đường chuẩn 3m, tâm trục bánh xe trước bên trái cách mép đường chuẩn 3m36. T1 trục trước bên phải cách về mép đường chuẩn 1,6m là vị trí tâm vùng chất lỏng cùng nhiều mảnh nhựa, mảnh kính vỡ (số B). Từ điểm mốc cố định đến tâm trục sau bên phải xe ô tô tải biển số 51C-854.58 (số A) là 110m05.

- Vùng chất lỏng cùng nhiều mảnh nhựa, mảnh kính vỡ kích thước 1m90 x 1m90, ký hiệu số (2): nằm trên mặt đường bên phải hướng đi từ tỉnh Đồng Tháp đi Thành phố Hồ Chí Minh. T1 cách mép đường chuẩn 3m40 và cách tâm trục bánh xe trước bên phải xe ô tô con biển số 66A-091.47 (số C) là 1m60.

- Xe ô tô con biển số 66A-091.47, ký hiệu số (3): xe đỗ trên mặt đường bên phần đường bên phải hướng đi từ tỉnh Đồng Tháp đi Thành phố Hồ Chí Minh. Đầu xe hướng về phía đi Thành phố Hồ Chí Minh chệch ra giữa đường, đuôi xe hướng về phía đi tỉnh Đồng Tháp hơi chệch vào thành cầu bên phải hướng đi từ tỉnh Đồng Tháp đi Thành phố Hồ Chí Minh. T1 trục bánh trước phải cách mép đường chuẩn 1m60, tâm trục bánh xe sau phải cách mép đường chuẩn 0m50.

Tại Biên bản khám phương tiện xe ô tô tải Biển số 51C-854.58 thể hiện: Kính chắn gió vỡ rời khỏi vị trí; cần gạt nước cong, biến dạng; phần đầu xe bên trái cong thụng biến dạng chiều từ trước về sau có dính sơn màu trắng; ca lăng vỡ rời khỏi vị trí; chắn đá (cản trước) vỡ; góc trái chắn đà trước cong, thụng từ trước về sau; trục lái hư hỏng; bộ trước bên trái vỡ rời khỏi vị trí; đèn chiếu sáng, đèn tín hiệu, đèn cangk, đèn sương mù trước bên trái vỡ rời khỏi vị trí; bầu cộng hưởng thẳng hỏng; toàn bộ phần cửa xe bên trái hư hỏng, cong thụng biến dạng chiều từ trước về sau; kính cửa bên trái vỡ rời khỏi vị trí; giới hạn cửa trước trái hỏng; tap pi cửa trái hỏng; compa nâng kính cửa trái hỏng; tay mở cửa trong, tay quay kính cửa trái, khóa ngậm cửa trái, long nheo ngoài cửa trái, ron cánh cửa trái hỏng; chắn bùn bánh trước trên trái vỡ; co phun nước kính trái hỏng; ốp trục tay lái hỏng; gương chiếu hậu bên trái vỡ rời khỏi vị trí.

Tại Biên bản khám phương tiện xe ô tô con Biển số 66A-091.47 thể hiện: Góc bên phải kính chắn gió bị nứt; ốp nhựa ngoài gương chiếu hậu hai bên vỡ rời khỏi vị trí; nắp capô có dấu vết móp thụng biến dạng có dính sơn màu xanh chiều từ trước về sau; ốp sườn bên trái trước cong thụng từ trước về sau, có dính sơn màu xanh; ca lăng vỡ rời khỏi vị trí; chắn đá trước (cản trước) vỡ rời khỏi vị trí; góc bên trái chắn đà trước cong thụng từ trước về sau; két nước nóng, két nước, lồng quạt két nước, bình ắc quy, hộp cầu chì, bình dầu thắng, heo cái thắng, bầu trợ lực thắng, cao su chân chassi trái hỏng; phần đầu xe phía trước bên trái móp thụng từ trước về sau; xương trên két nước, cổ ống nạp R lái trong, R lái ngoài, M trái, chữ A bánh trước trái, giảm sóc trước trái, bơm trợ lực tay lái, thước lái hỏng; đèn chiếu sáng, đèn tín hiệu trước bên trái, đèn cản trước trái vỡ rời khỏi vị trí, cảm biến trước hỏng; lốp xe bên trái vỡ không còn hơi; vành xe trước bên trái nứt vỡ, móp; chắn bên trước trái thụng, bung ra, khỏi vị trí ban đầu; ốp nhựa ngoài bảo vệ đèn cản trước phải vỡ rời khỏi vị trí; khung xương chắn bùn trước trái móp, thụng; hệ thống túi khí trên xe gồm tay lái, ghế ngồi, chân tài xế, ghế hành khách, túi khí rèm hai bên trái, phải vỡ.

Tại Bản Kết luận Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự số 36/KL-HĐĐG ngày 04/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện T. Kết luận: Xe ô tô con nhãn hiệu TOYOTA, số loại: FORTUNER, màu sơn: trắng, biển số 66A-091.47, số máy: 2GDC505471; số khung: HFCB3GS0K0493136, bị hư hỏng giá trị thiệt hại 329.770.000 đồng.

Tại Bản Kết luận Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự số 37/KL-HĐĐG ngày 05/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện T. Kết luận: Xe ô tô tải nhãn hiệu ISUZU, số loại NKR55LR, màu sơn: xanh, biển số 51C-854.58, số máy: 723714, số khung: JAANKR55LY7100505, bị hư hỏng giá trị thiệt hại 57.210.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 624/KL-KTHS ngày 10/7/2023 của phòng K Công an tỉnh L. Kết luận: File ghi hình không có âm thanh (video clip) có tên “Cầu B- T.mp4” trong đĩa DVD (ký hiệu A) không phát hiện chỉnh sửa, cắt ghép.

Tại bản cáo trạng số: 35/CT-VKSTT, ngày 08/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh truy tố bị cáo Lương Văn L về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại điểm d khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo đồng thời phân tích tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi vi phạm pháp luật mà bị cáo đã gây ra; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố bị cáo Lương Văn L phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50, 65 Bộ Luật hình sự; Đề nghị xử phạt bị cáo Lương Văn L 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm.

Vật chứng trong vụ án: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật hình sự; Đề nghị hoàn trả cho bị cáo 01 Giấy phép lái xe hạng B2 số 920208120480 mang tên Lương Văn L có giá trị đến ngày 29/12/2030. Hiện đang tạm giữ kèm theo hồ sơ chính của vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 585, 589 Bộ Luật Dân sự; Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho bị hại Phạm Hữu N1 số tiền 304.770.000 đồng.

Bị cáo Lương Văn L thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu. Trong phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin được xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo do bị cáo là lao động chính trong gia đình, bị cáo phải nuôi con nhỏ, mẹ bị bệnh, vợ của bị cáo chưa có việc làm.

Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có ý kiến như sau:

Bị hại Phạm Hữu Nghĩa là chủ sở hữu xe ô tô con biển số 66A-091.47: ông N1 thống nhất Kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự kết luận thiệt hại của xe ô tô con biển số 66A-091.47 của ông là 329.770.000 đồng. Bị cáo Lương Văn L đã bồi thường trước một phần thiệt hại cho ông N1 với số tiền là 25.000.000 đồng. Số tiền còn lại là 304.770.000 đồng. Ông N1 và vợ là bà Nguyễn Thị Bích H yêu cầu bị cáo Lương Văn L tiếp tục bồi thường 304.770.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Thành N2: ông N2 là chủ sở hữu xe ô tô biển số 51C-854.58 đã cho bị cáo L thuê xe, L tự lái gây tai nạn, làm hư hỏng xe. Tại phiên tòa, ông N2 đồng ý Kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự kết luận thiệt hại của xe ô tô biển số 51C-854.58 là 57.210.000 đồng. Ông N2 yêu cầu được nhận lại xe tự sửa chữa, không yêu cầu bị cáo L bồi thường thiệt hại. Đối với quyền lợi bảo hiểm mà ông N2 được hưởng do mua bảo hiểm của Công ty Cổ phần B1, ông N2 thống nhất sẽ tự liên hệ với Công ty Cổ Phần B1 để yêu cầu chi trả quyền lợi bảo hiểm.

Người đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần B1 trình bày: xe ô tô biển số 51C-854.58 có mua bảo hiểm thân xe của công ty. Sau sự việc xảy ra, Công ty Cổ phần B1 xác định xe ô tô biển số 51C-854.58 thuộc trường hợp được công ty chi trả quyền lợi bảo hiểm. Công ty Cổ phần B1 sẽ chi trả quyền lợi bảo hiểm cho chủ xe ô tô biển số 51C-854.58 sau khi bồi thường xong cho xe ô tô con biển số 66A-091.47.

Người đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần B3 do người đại diện hợp pháp trình bày ý kiến: ông Phạm Hữu N1 hợp đồng mua bảo hiểm đối với phương tiện

là xe ô tô con nhãn hiệu TOYOTA-FOTURNER biển kiểm soát 66A-091.47 bao gồm bảo hiểm tự nguyện theo giấy chứng nhận bảo hiểm số 2212158606 có giá trị từ ngày 15/12/2022 đến ngày 15/12/2023 và bảo hiểm trách nhiệm dân sự (bảo hiểm bắt buộc) theo giấy chứng nhận bảo hiểm số 893422227802 có giá trị từ ngày 15/12/2022 đến ngày 15/12/2023. Theo điều khoản bảo hiểm trách nhiệm tự nguyện thì Công ty Cổ phần B3 chỉ bảo hiểm thân xe trong trường hợp xe ô tô biển kiểm soát 66A-091.47 có lỗi hoàn toàn trong các vụ tai nạn, tự gây tai nạn hoặc sự cố cháy nổ xe. Tuy nhiên, trong vụ án này, Kết luận điều tra xác định lỗi trong vụ tai nạn này do người điều khiển xe ô tô tải biển số 51C-854.58 đi không đúng phần đường quy định gây thiệt hại tài sản đối với xe ô tô con biển số 66A-091.47 của anh N1. Trong trường hợp này ông N1 không có lỗi nên Công ty Cổ phần B3 không có trách nhiệm bồi thường cho ông N1. Trách nhiệm bồi thường thuộc về người điều khiển xe ô tô tải biển số 51C-85458.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều phù hợp quy định pháp luật.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa, có sự vắng mặt của bị hại Nguyễn Thị Bích H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Lê Văn Ú, bà Lê Ngọc H2. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa; bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án cũng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Lương Văn L khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng, phù hợp với lời

khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Có đủ cơ sở xác định được: Bị cáo Lương Văn L có giấy phép lái xe hạng B2 theo quy định. Khoảng 14 giờ ngày 12/4/2023, L điều khiển xe ô tô tải nhãn hiệu ISUZU, số loại NKR55LR, biển số 51C- 854.58 lưu thông trên Quốc lộ N theo hướng huyện T, tỉnh Long An đi huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Khi xe đi đến cầu B, thuộc Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Long An, L đã ngủ gật nên điều khiển xe lấn sang phần đường bên trái theo hướng đi dẫn đến phần đầu xe bên trái do L điều khiển va chạm vào đầu xe ô tô con, nhãn hiệu TOYOTA, loại FORTUNER, biển số 66A-091.47 do Phạm Hữu N1 điều khiển đang lưu thông theo hướng ngược lại. Hậu quả gây thiệt hại về tài sản 329.77.000 đồng.

Hành vi của Lương Văn L đã vi phạm vào khoản 1 Điều 9 Luật giao thông đường bộ. Tại khoản 1 Điều 9 Luật giao thông đường bộ quy định:

“1. Người tham gia giao thông phải đi bên phải theo chiều đi của mình, đi đúng làn đường, phần đường quy định và phải chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ”.

Xét thấy, Lương Văn L có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Do đó, hành vi của Lương Văn L đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại điểm d khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Điều 260 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng”.

Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An truy tố bị cáo Lương Văn L với tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, gây thiệt hại lớn về tài sản và sức khỏe của người khác. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức hành vi điều khiển phương tiện giao thông đường bộ là nguồn nguy

hiểm cao độ cần phải thận trọng. Tuy nhiên vì lơ là, chủ quan nên bị cáo đã gây thiệt hại nặng nề về tài sản của người khác, xâm phạm an toàn, sự hoạt động bình thường của các phương tiện giao thông đường bộ, trật tự công cộng. Từ đó tác động xấu đến tình hình phòng, chống tội phạm của địa phương. Vì vậy, hành vi của bị cáo cần phải xử lý theo đúng quy định của pháp luật để cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời răn đe phòng chống tội phạm chung.

[5] Về mục đích phạm tội của bị cáo: Bị cáo không có động cơ, mục đích gây tai nạn giao thông, hành vi trái pháp luật và hậu quả của hành vi là do bị cáo chủ quan trong tham gia giao thông, có lỗi vô ý.

[6] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

[6.1] Về nhân thân: Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo chưa có tiền án, không có tiền sự. Về nhân thân, Ngày 18/9/2015, bị Công an huyện C, tỉnh Hậu Giang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Vận chuyển thủy sản ra khỏi cơ sở sản xuất, kinh doanh giống thủy sản mà không có giấy chứng nhận kiểm dịch”, số tiền 3.000.000 đồng (theo Quyết định XPVPHC số 001323/QĐ/XPHC), L chưa nộp phạt. Đến ngày 18/9/2016 đã hết thời hiệu thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính. Kể từ ngày 18/9/2016-18/9/2017 L không tái phạm. Đến thời điểm L thực hiện hành vi “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” là ngày 12/4/2023 thì về nhân thân của bị cáo được xem là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính. Do đó, bị cáo được xem là có nhân thân tốt.

[6.2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại số tiền là 25.000.000 đồng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị hại xin xem xét miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đồng thời, xét thấy hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, vợ của bị cáo chưa có việc làm, bị cáo có mẹ bị bệnh suy thận giai đoạn cuối và con nhỏ nên bị cáo còn được giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng. Đối chiếu với các quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo và hướng dẫn số 01/2022//NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xét thấy bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, cho bị cáo hưởng án treo cũng có thể giúp bị cáo tự cải tạo trở thành người có ích cho xã hội.

[8] Về hình phạt bổ sung: xét thấy bị cáo vô ý trong tham gia giao thông, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

Sau khi sự việc xảy ra người bị hại Phạm Hữu N1 và Nguyễn Thị Bích H yêu cầu bị cáo L phải bồi thường thiệt hại chi phí sửa chữa tài sản xe ô tô với số tiền 329.770.000 đồng theo Kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự. Bị cáo L đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại và đã thực hiện nghĩa vụ bồi thường một phần thiệt hại với số tiền là 25.000.000 đồng. Số tiền còn lại 304.770.000 đồng bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại.

Theo Điều 12 Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP hướng dẫn bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra như sau:

“Người được chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ giao chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ theo đúng quy định của pháp luật phải bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra, trừ trường hợp giữa chủ sở hữu và người được giao chiếm hữu, sử dụng có thỏa thuận khác không trái pháp luật, đạo đức xã hội hoặc không nhằm trốn tránh việc bồi thường.

.....”.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường tiếp cho bị hại Phạm Hữu N1 và Nguyễn Thị Bích H số tiền 304.770.000 đồng.

Đối với xe ô tô biển số 51C-854.58, ông Nguyễn Thành N2 là chủ sở hữu xe ô tô biển số 51C-854.58, ông N2 cho bị cáo L thuê xe ô tô biển số 51C-854.58 thông qua hợp đồng thuê, sau đó bị cáo L tự lái gây tai nạn, làm hư hỏng xe theo Kết luận định giá thiệt hại 57.210.000 đồng. Ông N2 yêu cầu được nhận

lại xe tự sửa chữa, không yêu cầu bị cáo L bồi thường thiệt hại nên không đề cập.

Đối với xe ô tô biển số 51C-854.58, ông N2 có mua hiểm trách nhiệm dân sự tại Công ty Cổ phần B1. Người đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần B1 xác định Công ty Cổ phần B1 đồng ý bồi thường trách nhiệm đối với xe trong phạm vi bảo hiểm. Công ty Bảo hiểm Hàng không sẽ chi trả bảo hiểm cho ông N2 theo đúng điều khoản bảo hiểm đã thỏa thuận. Ông N2 và Công ty Cổ phần B1 thống nhất tự thỏa thuận với nhau về quyền lợi bảo hiểm xe cơ giới phát sinh từ hợp đồng bảo hiểm đã ký kết. Do đó, Tòa án không can thiệp giải quyết, nếu sau này ông N2 và Công ty Cổ phần B4 không có xảy ra tranh chấp thì có quyền khởi kiện trong vụ kiện khác theo quy định của pháp luật.

[10] Về vật chứng:

[10.1] Đối với 01 xe ô tô con nhãn hiệu TOYOTA, số loại: FORTUNER, màu sơn: trắng, biển số 66A-091.47, số máy: 2GDC505471; số khung: HFCEB3GS0K 0493136; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, biển số 66A-091.47 đăng ký lần đầu ngày 24/5/2019; 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số KD 8301793, biển số 66A-091.47 có hiệu lực đến ngày 18/5/2023; 01 Giấy phép lái xe số 890108003296 hạng B2 mang tên Lê Hữu N3, có giá trị đến 28/10/2024, tất cả thuộc sở hữu của ông Phạm Hữu N1 nên Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông Phạm Hữu Nghĩa l đúng quy định của pháp luật.

[10.2] Đối với 01 xe ô tô tải nhãn hiệu ISUZU, số loại NKR55LR, màu sơn: xanh, biển số 51C-854.58, số máy: 723714, số khung: JAANKR55LY7100505; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 51C-854.58 có giá trị đến ngày 31/12/2025; 01 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số EA-0680046, biển số 51C-854.58 có giá trị đến ngày 03/10/2023, tất cả thuộc sở hữu của Nguyễn Thành N2. Ông N2 giao tài sản cho bị cáo thông qua hợp đồng thuê tài sản theo quy định của Bộ Luật dân sự, sau đó bị cáo điều khiển xe tự gây tai nạn và tự chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại nên Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông Nguyễn Thành N2 là đúng quy định của pháp luật.

[10.3] Đối với 01 Giấy phép lái xe hạng B2 số 920208120480 mang tên Lương Văn L có giá trị đến ngày 29/12/2030. Hiện được lưu giữ kèm theo hồ sơ chính vụ án. Bị cáo vô ý thực hiện hành vi phạm tội và xét không áp dụng hình phạt bổ sung nên cần trả giấy phép lái xe cho bị cáo. Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ Luật hình sự trả lại cho bị cáo 01 Giấy phép lái xe hạng B2 số 920208120480 mang tên Lương Văn L do Sở giao thông vận tải tỉnh L cấp ngày 25/11/2021 có giá trị đến không thời hạn. Vật chứng hiện đang tạm giữ kèm theo hồ sơ chính của vụ án.

[11] Về án phí: Bị cáo Lương Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với nghĩa vụ bồi thường cho bị hại theo quy định Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lương Văn L phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

2. Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50, Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: bị cáo Lương Văn L 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (Hai) năm. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 26/12/2023.

3. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Cần Thơ giám sát, giáo dục. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 589 Bộ Luật dân sự; Điều 48 Bộ Luật hình sự;

Buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường tiếp cho bị hại Phạm Hữu N1 và Nguyễn Thị Bích H số tiền 304.770.000 đ (Ba trăm lẻ bốn triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).

5. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ Luật hình sự;

Trả lại bị cáo Lương Văn L 01 (Một) Giấy phép lái xe hạng B2 số 920208120480 mang tên Lương Văn L do Sở giao thông vận tải Thành phố C cấp ngày 29/12/2020 có giá trị đến ngày 29/12/2030 (Hiện đang lưu hồ sơ vụ án).

6. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Lương Văn L phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 15.238.500đ (Mười lăm triệu hai trăm ba mươi tám nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

7. Về nghĩa vụ chậm trả: Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

8. Về thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

9. Về quyền kháng cáo:

Áp dụng các điều 331, 333 Bộ Luật tố tụng hình sự;

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- Sở tư pháp tỉnh Long An
- VKSND huyện Tân Thạnh;
- CA huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- UBND xã Thới Hưng, H Cờ Đỏ, Tp Cần Thơ
- Bị cáo; Dương sự;
- Lưu hồ sơ, AV

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Ánh

HỘI THẨM NHÂN DÂN T HẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

